

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 653/2022/HSPT

Ngày: 16/9/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các thẩm phán: Ông Vũ Minh Tuấn

Ông Nguyễn Hải Thanh.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Hoàng Thị Thu Hoài, Thẩm tra viên Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Đức Thắng, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 368/2021/TLPT-HS ngày 05 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo Lê Văn T bị xét xử sơ thẩm về tội “Giết người”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2021/HS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Lê Văn T**, sinh năm 1961; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn F, xã S, huyện Đ, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; văn hoá: 0/12; bố: Lê N (đã chết); mẹ: Vi Th (đã chết); vợ: Lã Z, sinh năm 1960; có 05 con, lớn sinh năm 1981, nhỏ sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T theo chỉ định của Tòa án: Ông Dương M - Luật sư, Văn phòng Luật sư DM, Đoàn Luật sư tỉnh B; có mặt.

- Người bị hại không kháng cáo:

1. Anh Lâm Q, sinh năm 1978; có mặt.
2. Chị Hoàng H, sinh năm 1983; vắng mặt.
3. Cháu Lâm V, sinh năm 2005; vắng mặt.
4. Cháu Lâm Q, sinh năm 2008; vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn F, xã S, huyện Đ, tỉnh B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những người bị hại: Bà Giáp T,
Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn T, sinh năm 1961, trú tại thôn F, xã S, huyện Đ, tỉnh B có mâu thuẫn từ trước với anh Lâm Q, sinh năm 1978 ở cùng thôn do tranh chấp đất đai. Khoảng 02 giờ ngày 17/8/2020, T nghĩ lại việc mâu thuẫn với Q nên đã nảy sinh ý định đổ thuốc bảo vệ thực vật xuống bể nước sinh hoạt của gia đình Q để trả thù.

Khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, T lấy 01 lọ thuốc bảo vệ thực vật đựng trong túi ni lon màu đen, treo ở gác chuồng lợn (lọ thuốc có đặc điểm hình trụ, có đáy hình hộp chữ nhật, vỏ bằng nhựa màu trắng, nắp lọ bằng nhựa màu đỏ, loại thuốc trừ cỏ cháy, nhãn hiệu GFAXONE 20SL, dung tích 90ml, trong có chứa dung dịch thuốc trừ cỏ), lọ thuốc đã sử dụng hết khoảng 1/3 lượng đi đến nhà của anh Q. Ngôi nhà này của anh Q buổi tối không có ai ở; ban ngày có anh Q, vợ anh Q là Hoàng H và các con là Lâm V, Lâm Q, Lâm VN đến để chăn nuôi gia cầm, chăm sóc ruộng vườn và nấu cơm ăn, uống, sinh hoạt tại đó, đến tối thì gia đình anh Q về ngôi nhà ở thôn D, xã S ngủ. Khi T đi đến tường rào, xây bằng gạch cay của gia đình anh Lâm VL, sinh năm 1971 ở cùng thôn thì T trèo qua tường rào rồi đi xuống phía sau nhà anh Q, T mở cửa sắt đi đến cạnh bể nước sinh hoạt của gia đình anh Q. Sau đó, T dùng tay phải lấy lọ thuốc trừ cỏ từ trong túi quần ra, đưa lọ thuốc trừ cỏ ra khỏi túi ni lon rồi dùng tay phải vặn nắp lọ thuốc ra và đổ T bộ số thuốc trừ cỏ có trong lọ vào bể nước sinh hoạt của gia đình anh Q. Sau khi đổ xong, T đánh rơi vỏ lọ thuốc gần bể nước. T có tìm nhưng không thấy nên đi theo đường cũ về nhà. Trên đường về, T ném túi ni lon đựng lọ thuốc đi.

Sáng ngày 17/8/2020, anh Lâm Q lấy nước từ bể ra sử dụng đã phát hiện và nghi ngờ bể nước của gia đình bị người khác đổ thuốc trừ cỏ để đầu độc nên đã làm đơn trình báo đến Công an huyện Đ.

Ngày 18/8/2020, T đến Công an xã S đầu thú và khai nhận đã đổ thuốc thuốc trừ cỏ vào bể nước của gia đình anh Lâm Q với mục đích để anh Q sử dụng sẽ bị ngộ độc, sinh bệnh.

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Hiện trường xảy ra vụ việc là khu vực bể nước sinh hoạt của gia đình anh Lâm Q tại thôn F, xã S, huyện Đ, tỉnh B. Phía Đông giáp nhà của anh Vi Ch; Phía Nam giáp nhà bếp; Phía Tây giáp nhà ở anh Lâm Q; Phía bắc giáp giáp nhà của anh Đình Đ. Xem xét bể nước sinh hoạt thấy: Bể nước cao 1,8m, dài 2,2m; bể sâu 1,21m; mực nước chứa trong bể 62cm; mép thành bể phía trên cách mực nước 37cm; mép thành bể phía Tây cách đất 86cm. Vị trí số 1 phát hiện 01 chai nhựa màu trắng, được đóng nắp màu đỏ bên trong chứa dung dịch màu xanh, nhãn hiệu GFAXONE 20SL (thuốc trừ cỏ cháy), thể tích thực 90ml cách thành bể phía Tây 30cm, cách đường phía Nam nhà bếp 3,1m, cách mép thành bể phía trên 94cm; vị trí số 2 là bể nước, mép phía trước thành bể

phía Nam cách tường nhà bếp 2,1m, cách vị trí số 1 là 86cm.

Quá trình khám nghiệm, Cơ quan điều tra đã thu giữ chai nhựa màu trắng, được đóng nắp chai màu đỏ, nhãn hiệu GFAQONE 20SL tại vị trí số 1 và thu giữ mẫu nước tại 3 tầng nước có trong bể nước của gia đình anh Lâm Q đựng trong 03 chai nhựa nhãn hiệu AVINAA ký hiệu 1, 2, 3 (bút lục 168-170). Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định những mẫu nước thu tại bể nước của gia đình anh Q khi khám nghiệm hiện trường.

Bản kết luận giám định số 5789 ngày 07/9/2020 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận: Trong mẫu nước (ký hiệu 1, 2, 3) và mẫu chất lỏng màu xanh đựng trong chai nhựa màu trắng, nắp màu đỏ, bên ngoài cổ dán nhãn “GFAQONE 20SL” gửi giám định đều tìm thấy Paraquat, Paraquat là chất diệt cỏ nhóm Bipyridylium, thuộc nhóm độc I Theo “Hướng dẫn chuẩn đoán và xử lý ngộ độc” ban hành kèm theo Q định 3610/QĐ-BYT ngày 31/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế: Liều ngộ độc nặng dẫn đến tử vong của Paraquat đối với người là > 40 mg/kg thể trọng theo đường uống (bút lục 208).

Về trách nhiệm dân sự: Lê Văn T đã bồi thường cho gia đình anh Q 15.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2021/HS-ST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã xử:

Tuyên bố Lê Văn T phạm tội "Giết người".

Áp dụng điểm 1, n khoản 1 Điều 123; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt Lê Văn T 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, nghĩa vụ thi hành án dân sự và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/4/2021, bị cáo Lê Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Mục đích bị cáo đổ thuốc sâu vào bể nước nhà anh Q là để làm hỏng nước không dùng được, nếu có người dùng cũng chỉ sẽ sinh bệnh tật như bệnh về chất độc da cam, không có mục đích đổ thuốc sâu để giết anh Q. Bể nước nhà anh Q sâu và dài, trước khi đổ bị cáo đã kiểm tra lượng nước thấy có nhiều nước nên mới đổ thuốc sâu. Đề nghị triệu tập Giám định viên, chuyên gia y tế, chuyên gia về thuốc bảo vệ thực vật đến tham gia phiên tòa để làm rõ việc sử dụng số lượng nước với số lượng thuốc trừ sâu bị cáo đổ vào có làm chết người hay không và đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Lê Văn T giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.
- Người bị hại anh Lâm Q đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Kháng cáo của bị cáo là trong thời hạn và đúng quy định pháp luật, được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung:

Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra đã thừa nhận giữa bị cáo và anh Q có mâu thuẫn trong tranh chấp đất đai; do bức tức nên khoảng 02 giờ 30 phút ngày 17/8/2020, bị cáo đã đổ 01 lọ thuốc diệt cỏ vào bể nước sinh hoạt của gia đình anh Lâm Q; lọ thuốc sâu này được giám định là Paraquat, chất độc thuộc nhóm I theo quy định của Bộ Y tế. Bị cáo khai biết lọ thuốc sâu là chất độc dùng để diệt cỏ phục vụ trồng lúa nhưng trình bày không có ý thức giết anh Q hay ai khác mà chỉ để làm hư hỏng nguồn nước cũng như nếu có ai sử dụng thì chỉ sinh bệnh tật; đồng thời bị cáo trình bày lượng thuốc sâu đổ vào bể có lượng nước nhiều không làm hậu quả dẫn đến chết người. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật thì bị cáo buộc phải nhận thức được lọ thuốc sâu là chất độc và bị cáo khai biết được lọ thuốc sâu này là chất độc, bị cáo đổ vào nguồn nước trong bể do gia đình anh Q gồm có 05 người sử dụng hàng ngày có thể dẫn đến chết người, hậu quả không xảy ra do anh Q phát hiện được. Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Giết người” theo quy định tại điểm 1, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh B,

- Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu: Quá trình điều tra và tại các phiên tòa bị cáo đã khai đầy đủ diễn biến hành vi, bị cáo thừa nhận là người đổ thuốc sâu vào bể nước nhà anh Q nhưng không có mục đích giết ai. Kết luận giám định của cơ quan giám định chưa thực hiện đúng theo yêu cầu giám định của cơ quan điều tra; chưa làm rõ mẫu thu trong bể nước và mẫu chất trong lọ thuốc sâu bị cáo sử dụng có cùng loại không; chưa giám định làm rõ được số lượng nước trong bể nước với số lượng thuốc sâu bị cáo đổ vào nếu sử dụng thì có dẫn đến hậu quả chết người hay không, sử dụng bao nhiêu lượng nước thì gây nên chết người. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tranh luận: Kết luận giám định của cơ quan giám định đã thực hiện đầy đủ theo yêu cầu giám định, đã kết luận thuốc sâu mà bị cáo đổ vào bể nước nhà anh Q là chất Paraquat, chất độc thuộc nhóm I theo quy định của Bộ Y tế; lượng nước và lượng thuốc sâu bị cáo đổ vào bể nước nhà anh Q nếu có sử dụng có dẫn đến hậu quả làm chết người hay không thì không phải là yếu tố định tội đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo tranh luận: Về mục đích, động cơ, bị cáo thực hiện việc đổ thuốc sâu vào bể nước nhà anh Q là hành vi bột phát, bị cáo đã khai

nhận đầy đủ diễn biến hành vi của mình, thừa nhận đã đổ thuốc sâu vào bể nước nhà anh Q nhưng ngay từ lời khai ban đầu tại cơ quan điều tra bị cáo đã khai không có mục đích giết ai, chỉ có ý định phá hoại nguồn nước và nếu có ai sử dụng thì chỉ sinh bệnh tật; với lượng nước trong bể và lượng thuốc sâu bị cáo đổ vào bể nước nếu có ai sử dụng có gây hậu quả làm chết người hay không chưa được giám định làm rõ nên chưa có căn cứ kết luận bị cáo phạm tội giết người.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội không tranh luận thêm, giữ nguyên quan điểm đề nghị xét xử phúc thẩm đã kết luận.

- Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người bị hại phát biểu: Tại phiên tòa, bị cáo khai mục đích đổ thuốc sâu vào bể nước nhà anh Q là để cho gia đình anh Q sử dụng sẽ sinh bệnh tật là không phù hợp với thực tế khách quan diễn ra hành vi phạm tội của bị cáo và ý chí của bị cáo; đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã được thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử không có ai khiếu nại nên các tài liệu được thu thập có trong hồ sơ là hợp pháp.

[1.2] Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn T làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt 03 người bị hại, vắng mặt những người làm chứng nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, việc xét xử vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ; phiên tòa đã được mở lần thứ ba, những người này đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử tiến hành định xét xử vụ án theo quy định Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn T khai: Do mâu thuẫn trong tranh chấp đất đai, khoảng 02 giờ 30 phút ngày 17/8/2020, bị cáo đã đổ 01 lọ thuốc diệt cỏ vào bể nước sinh hoạt của gia đình anh Lâm Q tại thôn F, xã S, huyện Đ, tỉnh B với mục đích là để phá hoại nguồn nước của gia đình anh Q và nếu có ai sử dụng thì chỉ sinh bệnh tật, không có ý định giết anh Q hay giết ai khác.

Lời khai của bị cáo Lê Văn T về mâu thuẫn với anh Q, về thời gian và hành vi thực hiện đổ thuốc sâu vào bể nước nhà anh Q phù hợp các lời khai của bị cáo

tại cơ quan điều tra, phù hợp với với bản thực nghiệm hiện trường và các tài liệu khác có trong hồ sơ, đúng như bản án sơ thẩm đã nhận định.

Mẫu thuốc diệt cỏ bị cáo đổ vào bể nước nhà anh Q và mẫu nước trong bể nhà anh Q sau khi bị cáo đổ thuốc sâu vào đã được cơ quan điều tra thu thập và đưa đi giám định đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại Bản giám định số 5789 ngày 07/9/2020 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận: *“Trong mẫu nước (ký hiệu 1, 2, 3) và mẫu chất lỏng màu xanh đựng trong chai nhựa màu trắng, nắp màu đỏ, bên ngoài có dán nhãn “GFAXONE 20SL” gửi giám định đều tìm thấy Paraquat, Paraquat là chất diệt cỏ nhóm Bipyridylium, thuộc nhóm độc I Theo “Hướng dẫn chuẩn đoán và xử lý ngộ độc” ban hành kèm theo Q định 3610/QĐ-BYT ngày 31/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế: Liều ngộ độc nặng dẫn đến tử vong của Paraquat đối với người là > 40 mg/kg thể trọng theo đường uống”.*

Xét thấy, mặc dù bị cáo là người có trình độ học vấn thấp nhưng bị cáo khai nhận thức được loại thuốc diệt cỏ này là chất độc, nếu sử dụng sẽ nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe con người. Bị cáo khai không có ý thức giết anh Q hoặc ai khác trong nhà anh Q mà nhằm làm cho gia đình anh Q không sử dụng được nước trong bể hoặc có sử dụng thì cũng chỉ sinh bệnh tật như bệnh chất độc da cam nhưng trong trường hợp này pháp luật quy định và bắt buộc bị cáo phải nhận thức được hành vi đổ thuốc diệt cỏ này vào nguồn nước và nếu có ai sử dụng thì có thể gây nguy hiểm đến tính mạng con người; hậu quả có làm chết người hay không chết người không phải là dấu hiệu bắt buộc để xác định tội danh của bị cáo.

Bị cáo biết bể nước nhà anh Q có nhiều người sử dụng gồm có anh Q, vợ và các con anh Q; loại thuốc cỏ bị cáo đổ vào bể nước là chất thuộc nhóm độc I Theo “Hướng dẫn chuẩn đoán và xử lý ngộ độc” ban hành kèm theo Q định 3610/QĐ-BYT ngày 31/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, nếu ai sử dụng có thể gây nguy hiểm đến tính mạng; gia đình anh Q chưa ai sử dụng nguồn nước mà bị cáo đổ thuốc diệt cỏ vào và chưa có hậu quả xảy ra là ngoài mong muốn của bị cáo và do anh Q phát hiện được; giữa bị cáo và anh Q chỉ có mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống là tranh chấp đất đai, bị cáo không thực hiện các quyền theo quy định của pháp luật dân sự mà lại cố ý thực hiện hành vi phạm tội là thuộc trường hợp phạm tội có tính chất côn đồ và bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người.

[2.2] Tại phiên toà Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Văn T phát biểu trình bày: Kết luận giám định của cơ quan giám định chưa thực hiện đúng theo yêu cầu giám định của cơ quan điều tra; chưa làm rõ mẫu thu trong bể nước và mẫu chất trong lọ thuốc sâu bị cáo sử dụng có cùng loại không; chưa giám định làm rõ được số lượng nước trong bể nước với số lượng thuốc sâu bị cáo đổ vào nếu sử dụng thì có dẫn đến hậu quả chết người hay không, sử dụng bao nhiêu lượng nước thì gây nên chết người nên chưa có đủ căn cứ kết luận Lê Văn T phạm tội “Giết người” và đề nghị huỷ bản án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an tỉnh B đã tiến hành các hoạt động tố tụng lấy lời khai bị cáo, người bị hại, người liên quan, khám nghiệm hiện trường, tổ chức thực nghiệm điều tra, ra quyết định yêu cầu giám định và các hoạt động tố tụng khác đầy đủ; các tài liệu, chứng cứ được thu thập đảm bảo khách quan, trung thực, phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các mẫu chất trong bể nước nhà anh Q và mẫu chất trong lọ đựng thuốc diệt cỏ được Cơ quan điều tra Công an tỉnh B thu thập đúng theo lời khai mô tả của bị cáo, phù hợp thực tế tại hiện trường, ra quyết định yêu cầu giám định đủ nội dung cần chứng minh và Kết luận giám định số 5789 ngày 07/9/2020 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an đã xác định rõ loại thuốc diệt cỏ bị cáo đổ vào bể nước nhà anh Q là loại gì, hàm lượng sử dụng gây nguy hiểm đến tính mạng con người là bao nhiêu.

Như vậy, các căn cứ mà Luật sư nêu ra để bào chữa cho bị cáo đã được Cơ quan điều tra Công an tỉnh B tiến hành thu thập, điều tra làm rõ đầy đủ và đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Văn T về tội “Giết người” theo quy định tại điểm 1, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự và xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt quy định tại Điều 15 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

[4] Với các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo và ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[5] Án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Q ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2021/HSST ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh B như sau:

1. Tuyên bố Lê Văn T phạm tội "Giết người".

2. Áp dụng điểm 1, n khoản 1 Điều 123; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt Lê Văn T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ

ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Án phí: Bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- CA tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Bị cáo, người tham gia TT;
- Lưu HSVA, HCTP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Dũng